

Nội dung bài viết

1. [Bài 1 trang 38 Tập bản đồ Địa Lí 12:](#)
2. [Bài 2 trang 38 Tập bản đồ Địa Lí 12:](#)
3. [Bài 3 trang 39 Tập bản đồ Địa Lí 12:](#)

*Bài 1 trang 38 Tập bản đồ Địa Lí 12:*

Từ hình 22 trong SGK Địa lí 12, em hãy:

**Lời giải:**

**Điền các số liệu phù hợp vào bảng thống kê dưới đây:**

Năm	Tổng số	Chia ra				
		Cây lương thực	Rau, đậu	Cây công nghiệp	Cây ăn quả	Cây khác
1990	100	67.1	7.0	13.5	10.1	2.3
2005	100	59.2	8.3	23.7	7.3	1.5

**Nhận xét và giải thích sự chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất của ngành trồng trọt nước ta trong giai đoạn 1990 – 2005.**

- Tỷ trọng cây lương thực và cây ăn quả có giảm nhẹ (từ 67,1% xuống 59,2% và 10,1% xuống 7,3%), các loại cây khác cũng giảm nhẹ từ 2,3% xuống 1,5%.
- Cây công nghiệp tăng nhanh từ 13,5% lên 23,7%; cây rau đậu tăng nhẹ từ 7% lên 8,3%.
- Giải thích: là kết quả của chính sách phát triển kinh tế cũng như ngành công nghiệp nước ta. Đẩy mạnh phát triển cây công nghiệp nhằm khai thác thế mạnh và cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến cũng như xuất khẩu.

*Bài 2 trang 38 Tập bản đồ Địa Lí 12:*

Dựa vào bảng 23.1 SGK Địa lí 12, em hãy:

**Lời giải:**

**Tính tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất của ngành trồng trọt theo từng nhóm cây trồng (lấy năm 1990=100%).**

Năm	Tổng số	Cây lương thực	Rau, đậu	Cây công nghiệp	Cây ăn quả	Cây khác
1990	100	100	100	100	100	100
1995	133,4	126,5	143,3	181,6	111,4	122,0
2000	183,2	165,7	182,1	325,5	121,4	132,1
2005	217,6	217,6	256,8	382,3	160,0	142,3

**Nhận xét và giải thích tốc độ tăng trưởng của ngành trồng trọt nói chung và từng nhóm cây trồng nói riêng.**

- Ngành trồng trọt có tốc độ tăng trưởng nhanh và liên tục (100% lên 217% năm 2005).
- Cây công nghiệp có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất (382,3 % năm 2005), tiếp đến là rau đậu (256,8%).
- Cây lương thực, cây ăn quả và các loại cây khác có tốc độ tăng trưởng thấp hơn tốc độ tăng trưởng ngành trồng trọt (lần lượt là 191.8%. 160,0% và 142.3%).
- Giải thích: Ngành trồng trọt đóng vai trò quan trọng với đời sống, nền kinh tế nước ta, vì vậy luôn được chú trọng phát triển. Chính sách hiện nay là đẩy mạnh cây công nghiệp, cây ăn quả để làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu.

**Bài 3 trang 39 Tập bản đồ Địa Lí 12:**

Dựa vào bảng số liệu dưới đây:

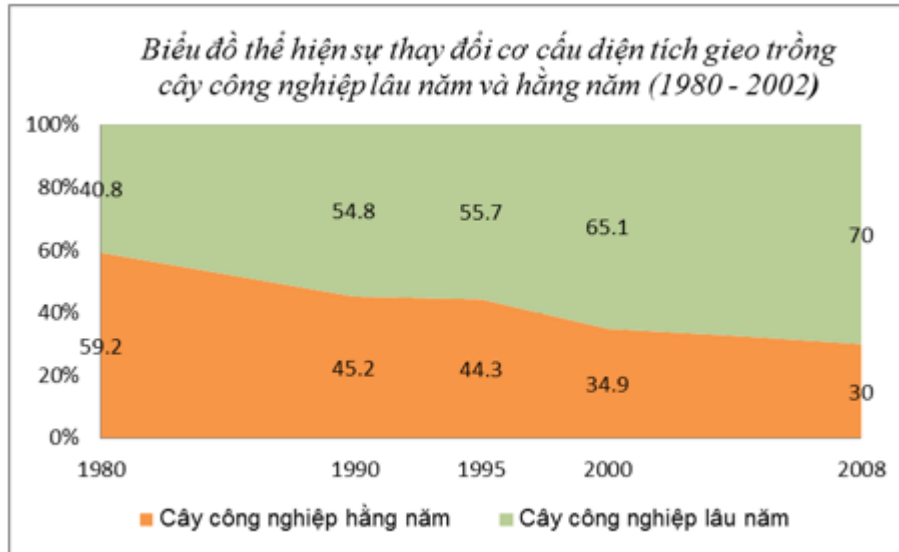
**Lời giải:**

**Diện tích gieo trồng cây công nghiệp của nước ta (nghìn ha)**

Năm	Diện tích cây công nghiệp	Chia ra	
		Cây công nghiệp hàng năm	Cây công nghiệp lâu năm
1980	627,7 (100%)	371,7 (59,2%)	256,0 (40,8%)
1990	1.199,3 (100%)	542,0 (45,2%)	657,3 (54,8%)
1995	1.619,0 (100%)	716,7 (44,3%)	902,3 (55,7%)

2000	2.229,4 (100%)	778,1 (34.9%)	1.451,3 (65.1%)
2008	2.691,9 (100%)	806,1 (30%)	1.885,8 (70%)

Vẽ biểu đồ miền thể hiện sự thay đổi cơ cấu diện tích gieo trồng cây công nghiệp của nước ta phân theo cây hàng năm và cây lâu năm trong giai đoạn 1980 – 2008 (trước khi vẽ, hãy xử lý số liệu và điền vào bảng trên).



**Nhận xét và giải thích sự thay đổi đó:**

- Diện tích cây công nghiệp hàng năm giảm đều, liên tục từ 59,2% (1980) xuống 30% (2008).
- Cây công nghiệp lâu năm tăng nhanh, liên tục từ 40,8% (1980) lên 70% (2008).
- Giải thích: xu hướng chuyển dịch này phù hợp với chính sách đẩy mạnh cây lâu năm để đáp ứng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu.